

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP SUNWILL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP SUNWILL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUNWILL INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUNWILL INDUSTRY., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301228347

3. Ngày thành lập: 13/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trung Lạc, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0963 20 93 93

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Dịch vụ đóng gói	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản có sẵn; - Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai.	6810
10.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản.	6820
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
15.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
16.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

17.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
18.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
19.	Sản xuất đường	1072
20.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
21.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
22.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
23.	Sản xuất chè	1076
24.	Sản xuất cà phê	1077
25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
28.	Sản xuất rượu vang Chi tiết: - Sản xuất rượu công nghiệp; - Sản xuất rượu thủ công.	1102
29.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
31.	Sản xuất sợi	1311
32.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
33.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
34.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
35.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
36.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
37.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
38.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
39.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
40.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
41.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
42.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
43.	Sản xuất giày, dép	1520
44.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
45.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
47.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
49.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
50.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
51.	In ấn	1811
52.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

53.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng	2013
54.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
55.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
56.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Sản xuất thuốc như: + Huyết thanh và các thành phần của máu, + Vắc xin, + Các loại thuốc khác, bao gồm chất vi lượng. - Sản xuất thuốc tránh thai uống và đặt; - Sản xuất thuốc chẩn đoán, bao gồm thử thai; - Sản xuất thuốc chẩn đoán hoạt phóng xạ; - Sản xuất chất hoạt động thuốc được sử dụng cho dược liệu trong sản xuất dược phẩm: Thuốc kháng sinh, vitamin cơ bản, salixilic và axit O- axetinsalixilic... - Sản xuất hoá dược; - Sản xuất đường hoá học tinh luyện; - Sản xuất băng gạc, đồ chèn lót, chỉ sinh học, đồ băng bó... - Sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng làm thuốc (nghiên, tán...)	2100
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa	2220
59.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
60.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
61.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
62.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
63.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
64.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
65.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
66.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không bao gồm sản xuất đoản kiếm, kiếm, lưỡi lê)	2593

67.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gấp lại được; - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự; - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hỏa, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599(Chính)
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
70.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
71.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
72.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

73.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
74.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
75.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
76.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
83.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
85.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
86.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
87.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
88.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
89.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm xuất bản phẩm)	5820
92.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
93.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
94.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
95.	Sản xuất nhạc cụ	3220
96.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
97.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
98.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
99.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại	3311
100.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
101.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
102.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại	3812
103.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
104.	Tái chế phế liệu	3830
105.	Xây dựng nhà để ở	4101

106.	Xây dựng nhà không để ở	4102
107.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
108.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
109.	Xây dựng công trình điện	4221
110.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
111.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
112.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
113.	Xây dựng công trình thủy	4291
114.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
115.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
116.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
117.	Phá dỡ	4311
118.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự)	4312
119.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH THỊ HẢI YẾN	Thôn Hà Lỗ, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.750.0 00	17.500.000.000	35,000	0011950081 45	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.750.0 00	17.500.000.000	35,000		
2	NGUYỄN KHẮC LƯƠNG	Tổ 3, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	0010790358 63	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		

3	NGUYỄN KHẮC LONG	Thôn Đoài, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.0 00	25.000.000.000	50,000	0010770050 53
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500.0 00	25.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN KHẮC LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077005053

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đoài, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đoài, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh